

Số: **3360**/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày **31** tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường Đại học Cần Thơ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 1 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Biên bản số 1758 /BB-ĐHCT-HĐKHĐT, ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị, Trưởng phòng Quản lý khoa học, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Giám đốc Trung tâm Học liệu, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng, Giám đốc Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ và Trưởng khoa Ngoại ngữ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Cần Thơ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ học kỳ I, năm học 2021 - 2022 và thay thế Quyết định 3203/QĐ-ĐHCT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường Đại học Cần Thơ.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Công tác sinh viên, Trường phòng Tài chính, Trường phòng Quản trị - Thiết bị, Trường phòng Quản lý khoa học, Trường phòng Hợp tác quốc tế, Trường phòng Tổ chức - Cán bộ, Trường phòng Thanh tra - Pháp chế, Trường phòng Kế hoạch tổng hợp, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Giám đốc Trung tâm Học liệu, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng, Giám đốc Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ, Trường khoa Ngoại ngữ, Trường các đơn vị, viên chức và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng KH&ĐT;
- Công bố tại website Trường;
- Lưu: VT, PĐT.



QUY ĐỊNH

Đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Cần Thơ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3360/QĐ-ĐHCT

Ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về đào tạo chất lượng cao (ĐTCLC) trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT), bao gồm: mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo (CTĐT); tuyển sinh; tổ chức và quản lý đào tạo; giảng viên và trợ giảng; sinh viên; cơ sở vật chất; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; đảm bảo chất lượng; học phí và học bổng; khen thưởng và kỷ luật.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, viên chức và sinh viên tham gia quá trình ĐTCLC của Trường ĐHCT.

3. Những nội dung khác liên quan đến ĐTCLC không được quy định trong Quy định này sẽ áp dụng theo Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy của Trường ĐHCT có hiệu lực hiện hành.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình đào tạo đại trà* là chương trình đào tạo trình độ đại học đang được thực hiện tại Trường ĐHCT, có mức trần học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ.

2. *Chương trình chất lượng cao (CTCLC)* là chương trình đào tạo có các điều kiện đảm bảo chất lượng và chuẩn đầu ra cao hơn CTĐT đại trà tương ứng, đồng thời đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại Quy định này; có mức học phí được quy định bởi Trường ĐHCT trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo toàn khóa học.

Điều 3. Mục tiêu đào tạo chất lượng cao

Nâng cao chất lượng đào tạo ở những đơn vị có đủ điều kiện nhằm đào tạo nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Đào tạo chất lượng cao đáp ứng các quy định của Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về chương trình đào tạo, tuyển sinh, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, tổ chức và quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất nhằm hướng đến tự chủ trong đào tạo.

Chương trình chất lượng cao được Trường ưu tiên về cơ sở vật chất, giáo trình và tài liệu tham khảo, đội ngũ giảng dạy, tạo điều kiện áp dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, nghiên cứu khoa học... để từng bước đạt chuẩn chất lượng của tổ chức kiểm định CTĐT có uy tín của Việt Nam, của khu vực hoặc thế giới nhằm thu hút sinh viên trong nước và quốc tế.

Điều 4. Chương trình đào tạo, bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học

1. Chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao phải cao hơn của CTĐT đại trà tương ứng về năng lực chuyên môn; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; năng lực dẫn dắt, chủ trì và làm việc nhóm; khả năng thích nghi với môi trường công tác; riêng năng lực ngoại ngữ tối thiểu phải đạt bậc 4/6 đối với CTĐT không chuyên ngữ và bậc 5/6 đối với các CTĐT chuyên ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*có kết quả học phần thi đánh giá năng lực tiếng Anh do Trường ĐHCT tổ chức đạt từ bậc 4/6 trở lên đối với CTĐT không chuyên ngữ và bậc 5/6 đối với CTĐT chuyên ngữ hoặc có các chứng chỉ, chứng nhận tương đương trở lên*). Loại chứng chỉ và cấp độ ngoại ngữ đạt được tối thiểu để được xét tương đương trình độ bậc 4/6 đối với CTĐT không chuyên ngữ và bậc 5/6 đối với CTĐT chuyên ngữ do Hiệu trưởng quy định (*xem phụ lục*).

2. Chương trình đào tạo chất lượng cao được xây dựng và phát triển trên nền của CTĐT đại trà theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHCT, cấu trúc từ các học phần (*thuộc chương trình ngoại ngữ tăng cường dành cho CTĐT không chuyên ngữ, khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp*), trong đó có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT; có tham khảo CTĐT nước ngoài; có sự tham gia và góp ý của đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT chất lượng cao, giảng viên có kinh nghiệm, chuyên gia nước ngoài, bộ phận đảm bảo chất lượng; được lấy ý kiến đóng góp của cựu sinh viên, đại diện của các đơn vị sử dụng lao động; và có đủ các điều kiện như sau:

a) Có ít nhất 3 khóa sinh viên đại học tốt nghiệp và đã công bố chuẩn đầu ra của CTĐT đại trà;

b) Có chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài;

c) Có hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến CTCLC; có các giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên đến từ tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất;

d) Trong 5 năm, tính đến thời điểm đề án ĐTCLC được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua, Trường ĐHCT phải có ít nhất 5 công trình nghiên cứu có nội dung liên quan đến ngành ĐTCLC được nghiệm thu hoặc được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

Chương trình đào tạo chất lượng cao được thiết kế có khối lượng tối thiểu (*chưa tính khối lượng chương trình ngoại ngữ tăng cường đối với CTĐT không chuyên ngữ*) và thời gian học tập tối đa cho phép để sinh viên hoàn thành CTĐT như sau:

Thời gian thiết kế CTĐT	Khối lượng CTĐT tối thiểu	Thời gian học tập tối đa để sinh viên hoàn thành CTĐT
4 năm	130 tín chỉ	8 năm
4,5 năm	145 tín chỉ	9 năm
5 năm	160 tín chỉ	10 năm

Ngoài khối lượng của CTĐT như nêu trên, CTĐT chất lượng cao thuộc các ngành không chuyên ngữ có thiết kế chương trình ngoại ngữ tăng cường 20 tín chỉ (*với nội dung giảng dạy đến trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho người học*) và học phân thi đánh giá năng lực ngoại ngữ 02 tín chỉ (*ôn tập và đánh giá năng lực ngoại ngữ của người học*). Vào đầu khóa học, sinh viên phải tham gia chương trình ngoại ngữ tăng cường do Trường bố trí lịch học để đạt năng lực ngoại ngữ và những kỹ năng tối thiểu theo học CTCLC. Trong quá trình theo học CTCLC, sinh viên phải có kế hoạch tự học hoặc có thể theo học các khóa học ngoại ngữ do Trung tâm Ngoại ngữ Trường ĐHCT tổ chức để tiếp tục nâng cao năng lực ngoại ngữ đạt trình độ 4/6 hoặc tương đương trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*xem phụ lục*).

Sinh viên phải tích lũy đủ các học phần và khối lượng tín chỉ tối thiểu theo yêu cầu của CTĐT để được xét cấp bằng tốt nghiệp.

3. Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT chất lượng cao khi xây dựng phải có sự tham gia của đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT chất lượng cao, bộ phận đảm bảo chất lượng và lấy ý kiến đóng góp của cựu sinh viên, đại diện của các đơn vị sử dụng lao động. Đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành của CTCLC phải có ý kiến thẩm định của 2 chuyên gia ngoài cơ sở đào tạo (*trong nước hoặc quốc tế*) am hiểu lĩnh vực chuyên môn. Một số học phần thuộc CTĐT có thể được tổ chức lớp học bằng phương thức dạy và học trực tuyến một phần hoặc toàn bộ học phần khi đáp ứng các quy định hiện hành. Những nội dung dạy và học trực tuyến được ghi trong đề cương chi tiết học phần. Tổng khối lượng (*tính theo tín chỉ*) được thực hiện bằng phương thức dạy và học trực tuyến không quá 30% khối lượng của CTĐT. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường có thể thực hiện việc dạy và học bằng phương thức trực tuyến theo yêu cầu và hướng dẫn của Nhà nước.

4. Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học được xây dựng căn cứ vào CTĐT, gồm các nội dung: thông tin chung về CTĐT; thông tin về đối sánh giữa CTĐT với các chương trình tương tự trong và ngoài nước; thông tin về kết quả đánh giá hoặc kiểm định chất lượng CTĐT; mục tiêu đào tạo của CTĐT; chuẩn đầu ra của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc chương trình dạy học; khung CTĐT (*là CTĐT với các học phần được bố trí theo khối kiến thức*); kế hoạch dạy học (*là CTĐT với các học phần được bố trí theo học kỳ trong thời gian thiết kế của CTĐT; gọi là kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa*); tóm tắt các học phần (*đính kèm đề cương chi tiết các học phần*); phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá.

5. Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học của CTĐT chất lượng cao được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCT và đơn vị quản lý CTCLC để sinh viên và các bên liên quan được biết.

6. Đề án ĐTCLC, quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTCLC được thực hiện theo Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ GD&ĐT và các quy định hiện hành có liên quan của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCT.

CHƯƠNG II

CHỈ TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, QUY TRÌNH TUYỂN SINH, CHUYỂN ĐỔI SINH VIÊN GIỮA CTCLC VÀ CTĐT ĐẠI TRÀ

Điều 5. Chỉ tiêu, đối tượng, điều kiện và ưu tiên tuyển sinh

1. Chỉ tiêu đào tạo CTCLC nằm trong tổng chỉ tiêu đào tạo đã xác định hàng năm của Trường ĐHCT theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hiệu trưởng quyết định chỉ tiêu đào tạo của từng ngành ĐTCLC.

2. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện tuyển sinh

a) Thí sinh là người Việt Nam và người nước ngoài đáp ứng điều kiện tham gia tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy hiện hành và thông báo tuyển sinh của Trường ĐHCT.

b) Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện khác về tuyển sinh do Trường ĐHCT quy định (*được ghi trong thông báo tuyển sinh hàng năm*)

3. Những ưu tiên tuyển sinh của từng ngành ĐTCLC (*nếu có*) do Hiệu trưởng quyết định và được ghi trong thông báo tuyển sinh của Trường ĐHCT.

Điều 6. Quy trình tuyển sinh

1. Hàng năm, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh Trường ĐHCT. Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ tổ chức xét tuyển sinh viên vào học các CTCLC đúng với quy định này và thông báo tuyển sinh.

2. Thông báo tuyển sinh vào học CTCLC được Hội đồng tuyển sinh đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCT.

3. Thí sinh nộp hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển vào học CTCLC, các giấy tờ khác theo thông báo tuyển sinh cho Hội đồng tuyển sinh Lệ phí đăng ký xét tuyển vào học CTCLC do Hiệu trưởng quy định.

4. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh của năm, Hội đồng tuyển sinh tổ chức xét tuyển trên cơ sở hồ sơ thí sinh đăng ký xét tuyển vào học CTCLC Kết quả xét tuyển được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCT.

5. Hàng năm, sau mỗi kỳ tuyển sinh, kết quả tuyển sinh CTCLC được gửi cho Bộ GD&ĐT để báo cáo.

Điều 7. Sinh viên chuyển đổi giữa CTCLC và CTĐT đại trà

1. Sinh viên CTCLC chuyển sang CTĐT đại trà trong các trường hợp sau đây:

- Sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ của hai học kỳ chính liên tiếp dưới 1,0 điểm; đạt điều kiện trúng tuyển của CTĐT đại trà trong cùng khóa tuyển sinh và còn đủ thời gian học tập theo quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy hiện hành;
- Sinh viên có nguyện vọng chuyển sang học CTĐT đại trà theo quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy hiện hành của Trường ĐHCT. Trường hợp này, sinh viên làm đơn (*có ý kiến và ký tên xác nhận của phụ huynh và trưởng đơn vị quản lý CTCLC*) và gửi đơn đến Phòng

Công tác sinh viên chậm nhất là 2 tháng trước khi bắt đầu học kỳ để trình Ban Giám hiệu để xem xét và quyết định.

2. Hàng năm, căn cứ vào số lượng sinh viên của CTCLC, Trường thông báo xét bổ sung sinh viên từ CTĐT đại trà vào học năm thứ hai của khóa học. Số lượng sinh viên xét bổ sung của từng CTCLC do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên CTĐT đại trà được xem xét chuyển sang CTCLC nếu thỏa các điều kiện sau đây:

- Có hồ sơ đăng ký xét bổ sung vào CTCLC theo thông báo và đồng ý thực hiện các quy định của CTCLC. Hồ sơ được gửi đến Phòng Công tác sinh viên chậm nhất là 1 tháng trước khi bắt đầu học kỳ để trình Ban Giám hiệu xem xét và quyết định;
- Có kết quả tuyển sinh đầu vào đại học từ bằng trở lên điểm trúng tuyển của CTCLC trong cùng khóa tuyển sinh và đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) về tuyển sinh do Trường ĐHCT quy định được ghi trong thông báo tuyển sinh của năm tương ứng khóa học;
- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Tại thời điểm xét bổ sung, sinh viên có Điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,5 điểm trở lên.

3. Nguyên tắc xét sinh viên từ CTĐT đại trà sang CTCLC, trước hết phải thỏa các điều kiện điểm trúng tuyển, các điều kiện khác (nếu có) về tuyển sinh và trình độ ngoại ngữ của CTCLC; sau đó căn cứ vào điểm trung bình tích lũy của sinh viên tại thời điểm xét tuyển để chọn từ điểm cao xuống đến khi đủ số lượng xét bổ sung vào CTCLC theo thông báo.

4. Ngoài các điều kiện đề cập ở khoản 1 và khoản 2 Điều này, sinh viên chỉ được xem xét chuyển đổi giữa CTCLC và CTĐT đại trà nếu không phải đang trong thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải hoàn thành việc đóng học phí theo quy định.

5. Sinh viên chuyển đổi giữa CTCLC và CTĐT đại trà được xét miễn và công nhận điểm các học phần đã tích lũy theo quy định hiện hành của Trường ĐHCT. Sinh viên phải lập kế hoạch và tích lũy các học phần còn lại theo yêu cầu của CTĐT được phép chuyển đổi.

6. Thời gian học tập tối đa cho phép để sinh viên hoàn thành khóa học được tính theo CTĐT mà sinh viên đang theo học. Thời điểm bắt đầu tính thời gian học là từ khi sinh viên bắt đầu học tập tại Trường. Những sinh viên được hưởng ưu tiên đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không giới hạn về thời gian học tập tối đa để hoàn thành CTĐT.

CHƯƠNG III QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 8. Quản lý chương trình chất lượng cao

1. Quản lý CTCLC cấp trường là “Ban quản lý Chương trình chất lượng cao” do Hiệu trưởng làm Trưởng ban, một Phó hiệu trưởng là Phó trưởng ban, lãnh đạo đơn vị quản lý CTCLC làm Ủy viên, lãnh đạo Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh

viên, Phòng Tài chính, Phòng Quản trị - Thiết bị, Phòng Quản lý khoa học, Phòng Hợp tác quốc tế, Phòng Tổ chức - Cán bộ, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Trung tâm Quản lý chất lượng, Trung tâm Học liệu và bộ môn (*hoặc đơn vị tương đương*) phụ trách chuyên môn ngành đào tạo làm Ủy viên. Căn cứ đề xuất của đơn vị và Phòng Tổ chức - Cán bộ, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập “Ban quản lý Chương trình chất lượng cao”.

2. Quản lý CTCLC của đơn vị trực thuộc Trường là “Tổ quản lý Chương trình chất lượng cao” do lãnh đạo đơn vị là Ủy viên thường trực Ban quản lý CTCLC làm Tổ trưởng, lãnh đạo bộ môn (*hoặc đơn vị tương đương*) có CTCLC làm Tổ phó và các thành viên khác do đơn vị đề xuất. Căn cứ đề xuất của đơn vị và Phòng Tổ chức - Cán bộ, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập “Tổ quản lý Chương trình chất lượng cao”.

3. Cán bộ tham gia Ban quản lý và Tổ quản lý CTCLC phải có đủ năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo; sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý liên quan; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

Điều 9. Cố vấn học tập

1. Cố vấn học tập phải là giảng viên có tham gia giảng dạy ngành ĐTCLC; phải nắm vững CTĐT, quy định về ĐTCLC; quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy; có khả năng tổ chức và quản lý lớp; có khả năng hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên của lớp được phân công trong quá trình học tập; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc. Danh sách cố vấn học tập do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của đơn vị quản lý CTCLC và Phòng Công tác sinh viên.

2. Cố vấn học tập chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý lớp được phân công phụ trách. Ngoài giờ lên lớp, cố vấn học tập phải bố trí thời gian trả lời, giải quyết các vấn đề vướng mắc của sinh viên về CTĐT, nội dung học tập, quy định công tác học vụ và các vấn đề khác sinh viên cần tư vấn và hỗ trợ. Cố vấn học tập phải báo cáo kịp thời đến Tổ quản lý CTCLC các vấn đề vượt quá khả năng hỗ trợ, tư vấn và giải quyết; các ý kiến, phản ánh của sinh viên, phụ huynh và viên chức.

Điều 10. Lớp quản lý sinh viên

1. Lớp quản lý sinh viên CTCLC được tổ chức theo ngành ĐTCLC và khóa học. Căn cứ vào số lượng sinh viên của từng ngành ĐTCLC của khóa học, Hiệu trưởng quyết định việc phân chia thành một lớp hoặc nhiều lớp để quản lý sinh viên. Mỗi lớp có một mã số lớp để phân biệt ngành ĐTCLC và khóa học.

2. Mỗi lớp có một cố vấn học tập đảm nhiệm công tác tổ chức và quản lý lớp; tư vấn và hỗ trợ sinh viên.

Điều 11. Tổ chức đào tạo

Ngoài việc tuân theo các quy định chung về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành, tổ chức và quản lý đào tạo CTCLC phải đảm bảo:

1. Tổ chức thực hiện theo học chế tín chỉ, sử dụng triệt để phương pháp giảng dạy mới theo hướng phát huy năng lực cá nhân của sinh viên, tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để giải quyết các nội dung chuyên

môn. Chuẩn đầu ra và CTĐT chất lượng cao được Tổ quản lý CTCLC phổ biến và giải thích rõ đến sinh viên thuộc ngành ĐTCLC vào đầu khóa học. Mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, cách đánh giá, tài liệu và nguồn tài liệu học tập học phần được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần và được giảng viên phổ biến cụ thể trong buổi học đầu tiên của học phần.

2. Có ít nhất 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành được dạy bằng ngoại ngữ, trong đó có ít nhất 1/2 số tín chỉ nêu trên do giảng viên được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 của Quy định này đảm nhiệm (*trừ những ngành chỉ đào tạo ở Việt Nam*).

3. Tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước theo kế hoạch; mời các giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân đến từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở trong nước hoặc nước ngoài tham gia giảng dạy, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, phát triển nghề nghiệp; hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp liên quan để mời tham gia, hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

4. Áp dụng các phương pháp đánh giá hiện đại theo hướng chú trọng phát triển năng lực phân tích, thực hành, sáng tạo, tự cập nhật kiến thức; năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên nguyên tắc khách quan, minh bạch, linh hoạt, bám sát mục tiêu của mỗi học phần và của CTĐT.

5. Bố trí đủ trợ giảng cho mỗi học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

6. Bố trí đủ cán bộ hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập; đảm bảo mỗi nhóm thảo luận không quá 30 sinh viên, nhóm thực hành không quá 15 sinh viên, nhóm làm thí nghiệm tại phòng thí nghiệm không quá 5 sinh viên/thiết bị.

Điều 12. Kiểm tra và thi học phần

1. Kiểm tra và thi học phần CTCLC được áp dụng theo Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy hiện hành.

2. Tổ chức kiểm tra và thi theo phương pháp đánh giá tiên tiến phù hợp với từng học phần nhằm mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất của sinh viên. Hình thức đánh giá và tính điểm học phần được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần và được giảng viên phổ biến cụ thể trong buổi học đầu tiên của học phần.

3. Sử dụng ngoại ngữ trong kiểm tra và thi đối với các học phần được giảng dạy bằng tiếng nước ngoài.

4. Viết và báo cáo tiểu luận tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp bằng ngoại ngữ được sử dụng giảng dạy CTCLC (*trừ các ngành đặc thù phải viết và báo cáo bằng tiếng Việt*). Khuyến khích viết và báo cáo các học phần thực hành, thực tập, báo cáo chuyên đề, đồ án, niên luận bằng ngoại ngữ được sử dụng giảng dạy CTCLC.

Điều 13. Văn bằng tốt nghiệp

Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp CTCLC được Hiệu trưởng cấp quyết định công nhận tốt nghiệp, văn bằng tốt nghiệp và phụ lục văn bằng theo quy định hiện hành có ghi rõ bằng tiếng Việt là “chương trình chất lượng cao” và bằng tiếng Anh là “high quality program” trong dấu ngoặc đơn ngay sau tên ngành ĐTCLC tương ứng bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

CHƯƠNG IV

GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG, SINH VIÊN

Điều 14. Điều kiện đối giảng viên và trợ giảng

1. Giảng viên

a) Có trình độ thạc sĩ trở lên. Riêng giảng viên dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (*đối với các ngành đặc thù*);

b) Có năng lực chuyên môn, NCKH đáp ứng yêu cầu của CTĐT chất lượng cao (*có tối thiểu 1 công trình nghiên cứu khoa học được công bố hoặc được nghiệm thu có nội dung liên quan đến ngành ĐTCLC*); có kinh nghiệm giảng dạy liên quan đến ngành CTĐT chất lượng cao từ 3 năm trở lên; được đơn vị quản lý chuyên môn và người học đánh giá có phương pháp giảng dạy hiệu quả, áp dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và NCKH;

c) Giảng viên dạy các học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại điểm a, b khoản này, phải có trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*hoặc tương đương*) hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ đó;

d) Có giảng viên uy tín của các trường đại học nước ngoài (*bao gồm cả giảng viên Việt Nam có quốc tịch nước ngoài*) hoặc giảng viên Việt Nam đã tham gia giảng dạy trình độ đại học trở lên ở nước ngoài hoặc giảng viên đã được đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài, đáp ứng yêu cầu của CTCLC tham gia giảng dạy các học phần được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy định này;

đ) Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy CTCLC do Hiệu trưởng phê duyệt theo đề nghị của trường đơn vị quản lý ngành đào tạo và của Phòng Hợp tác quốc tế (*nếu là người nước ngoài bao gồm cả giảng viên Việt Nam có quốc tịch nước ngoài*), được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCT. Danh sách giảng viên dạy CTCLC nếu có điều chỉnh, bổ sung phải được Hiệu trưởng phê duyệt trước thời điểm bắt đầu học kỳ.

2. Trợ giảng

a) Trợ giảng phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần; sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong việc hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, báo cáo chuyên đề, đồ án, niên luận, tiểu luận tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp;

b) Nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên giỏi tốt nghiệp CTCLC, Chương trình tiên tiến có thể tham gia hoạt động trợ giảng.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên

1. Nhiệm vụ của giảng viên

Ngoài những nhiệm vụ đối với giảng viên theo quy định của Luật Giáo dục đại học và của Trường ĐHCT, giảng viên tham gia giảng dạy CTCLC còn có những nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức giảng dạy và tổ chức đánh giá lớp học phần được phân công theo đúng đề cương chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy của Trường. Trong tiết

dạy thứ nhất của học phần, giảng viên thông tin và giải thích đến sinh viên các nội dung và yêu cầu của học phần được đề cập trong đề cương chi tiết học phần; giới thiệu các tài liệu và nguồn tài liệu học tập cần tham khảo;

- Thực hiện giảng dạy lớp học phần bằng ngoại ngữ đối với các học phần được yêu cầu giảng dạy bằng tiếng nước ngoài;
- Hướng dẫn hoặc tổ chức cho trợ giảng hướng dẫn sinh viên thực hiện các nội dung trong giờ tự học, bài tập, câu hỏi lý thuyết để sinh viên chuẩn bị cho thảo luận, làm việc nhóm;
- Thường xuyên cập nhật nâng cao chất lượng nội dung giảng dạy và cải tiến phương pháp giảng dạy và đánh giá;
- Khai thác và sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cải tiến và đổi mới phương pháp giảng dạy;
- Đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý.

2. Quyền của giảng viên

Ngoài những quyền của giảng viên theo quy định của Luật Giáo dục đại học và của Trường ĐHCT, giảng viên tham gia giảng dạy CTCLC còn có những quyền sau đây:

- Được hưởng chế độ bồi dưỡng ưu đãi đối với công tác giảng dạy, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học theo quy định của CTCLC;
- Được ưu tiên sử dụng trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học để đáp ứng các yêu cầu của CTCLC;
- Được tạo điều kiện để áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường;
- Được chủ động liên hệ và đề xuất với Khoa và Trường đối tác trong và ngoài nước hợp tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học;
- Được tạo điều kiện tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế do Trường và các đơn vị đối tác tổ chức.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền của sinh viên

1. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên CTCLC thực hiện nhiệm vụ đối với người học theo quy định của Luật Giáo dục đại học và của Trường ĐHCT

2. Quyền của sinh viên

Ngoài những quyền của sinh viên theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các quyền lợi khác sinh viên CTĐT đại trà theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCT, sinh viên CTCLC còn có những quyền sau:

- Được giảng dạy bởi các giảng viên như quy định đối với ĐTCLC;
- Được ưu tiên bố trí học tập tại phòng học với các trang thiết bị hiện đại; sử dụng tài liệu học tập; phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, thư viện và hệ thống internet phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học;
- Được ưu tiên xét duyệt giao thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học;
- Được tạo điều kiện tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế do Trường và các đơn vị đối tác tổ chức; các hoạt động chuyên môn; tham quan thực tế và các hoạt động ngoại khóa;

- Được ưu tiên xét chọn đi học tập ở nước ngoài theo các chương trình hợp tác quốc tế; chương trình trao đổi sinh viên với các cơ sở đào tạo nước ngoài của Trường ĐHCT;
- Ưu tiên xét cấp học bổng khuyến khích của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; xét vào ở ký túc xá của Trường; giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp;
- Được tham gia đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý đào tạo CTCLC;
- Được hỗ trợ học phí một (01) lần khi học lần đầu học phần thi đánh giá năng lực ngoại ngữ¹.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 17. Phòng học

1. Có phòng học lý thuyết dành riêng cho các lớp CTCLC.
2. Phòng học được phủ sóng wifi với tốc độ kết nối cao; được trang bị máy tính kết nối mạng internet, thiết bị trình chiếu (*ti vi màn hình lớn hoặc projector*) và hệ thống âm thanh để phục vụ giảng dạy; máy điều hòa nhiệt độ.

Điều 18. Tài liệu học tập

1. Tài liệu học tập cho sinh viên CTCLC gồm: giáo trình hoặc bài giảng và tài liệu tham khảo; nội dung bài giảng; bài tập, câu hỏi... phục vụ học tập tại lớp hoặc giờ tự học của sinh viên; tài liệu hướng dẫn thực hành, thực tập; các tài liệu khác phục vụ cho việc học tập của sinh viên. Tài liệu học tập được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần.
2. Học phần lý thuyết phải có đủ giáo trình hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo trong, ngoài nước và được cập nhật thường xuyên. Nội dung bài giảng được cung cấp bởi giảng viên giảng dạy học phần. Nội dung bài giảng phải có phần nội dung cơ bản đáp ứng mục tiêu đào tạo của học phần và phần nội dung nâng cao có cập nhật các thành tựu, tiến bộ mới của trong nước và quốc tế.
3. Học phần thực hành, thực tập phải có tài liệu hướng dẫn đầy đủ.
4. Học phần phải có tài liệu là hệ thống bài tập, câu hỏi... phục vụ việc học tập tại lớp hoặc giờ tự học của sinh viên. Nội dung bài tập, câu hỏi... phải giúp sinh viên tiếp thu và hệ thống kiến thức cơ bản; phát triển kiến thức chuyên môn chuyên sâu hơn; đồng thời thúc đẩy sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm. Nội dung yêu cầu sinh viên thực hiện trong giờ tự học phải được đưa vào nội dung kiểm tra hoặc thi học phần.

¹ Thời khóa biểu lần đầu học phần Thi đánh giá năng lực ngoại ngữ của sinh viên do Trường sắp xếp. Sinh viên phải đóng học phí học phần này cho Trường nếu có nhu cầu đăng ký học phần thi đánh giá năng lực ngoại ngữ trong các lần tiếp theo.

5. Tài liệu học tập là bản cứng (*giấy*) hoặc bản mềm (*e-file*). Sinh viên có thể tiếp cận, tra cứu được tài liệu học tập từ Trung tâm Học liệu hoặc từ hệ thống các thư viện của Trường.

Điều 19. Cơ sở vật chất phục vụ thực tập, thực hành

1. Có đủ các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở thực tập với các thiết bị, dụng cụ, phần mềm cần thiết phục vụ giảng dạy thực tập, thực hành cho sinh viên theo yêu cầu của CTCLC.

2. Có thư viện và thư viện điện tử cho giảng viên và sinh viên CTCLC tra cứu và sử dụng trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

CHƯƠNG VI

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 20. Nghiên cứu khoa học

1. Hàng năm, mỗi giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy học phần lý thuyết ngành ĐTCLC phải có tối thiểu 01 công trình NCKH được đăng tạp chí khoa học (*có mã số ISSN hoặc thuộc danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước*) hoặc được nghiệm thu có nội dung liên quan đến ngành ĐTCLC.

2. Trong cả khoá học, mỗi sinh viên CTCLC phải được tham gia NCKH theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài NCKH với giảng viên. Khuyến khích sinh viên tham dự các cuộc thi (*trong và ngoài nước*) có liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ dưới sự hướng dẫn của giảng viên; nếu đạt giải thưởng giải nhất, nhì, ba và khuyến khích từ cấp trường trở lên, sinh viên được xác định hoàn thành yêu cầu tham gia NCKH (*sinh viên nộp minh chứng đến đơn vị quản lý ngành ĐTCLC để được xem xét*).

3. Hàng năm, giảng viên và sinh viên CTCLC phải có ít nhất 01 đề tài phối hợp nghiên cứu với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến CTCLC.

4. Nếu có bài báo khoa học được đăng tạp chí khoa học trong nước hoặc quốc tế (*có mã số ISSN hoặc thuộc danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước*), sinh viên được xét miễn thi và được công nhận điểm 10 (*điểm A*) cho 1 học phần (*học phần đang trong thời gian học hoặc sẽ đăng ký học*) thuộc CTCLC phù hợp với nội dung chuyên môn của bài báo. Học phần được xét miễn và công nhận điểm do đơn vị quản lý chuyên môn CTCLC xác định và gửi đề nghị cho Phòng Đào tạo để nhập điểm. Sinh viên được Trường hoàn trả học phí cho học phần được xét miễn học nếu đã đóng học phí cho học phần này.

Điều 21. Hợp tác quốc tế

1. Thực hiện một số hoặc tất cả các hình thức hợp tác quốc tế để hỗ trợ phát triển CTCLC: bồi dưỡng, trao đổi giảng viên và sinh viên; tổ chức hợp tác NCKH, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, giao lưu học thuật; liên kết thư viện, trao đổi kinh nghiệm, thông tin, tài liệu, ấn phẩm khoa học; đảm bảo chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng CTĐT; tham gia các tổ chức khoa học, nghề nghiệp quốc tế liên quan đến CTCLC.

2. Quản lý chuyên gia, giảng viên và sinh viên là người nước ngoài được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường ĐHCT.

CHƯƠNG VII

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Điều 22. Đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo

1. Tổ chức đào tạo CTCLC phải tuân thủ các quy định về ĐTCLC của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHCT. CTCLC sẽ bị đình chỉ tuyển sinh khi không đảm bảo một trong các tiêu chí xác định CTCLC được quy định tại Chương II và Điều 16 của Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT.

2. Trung tâm Quản lý chất lượng phối hợp Tổ Đảm bảo chất lượng của đơn vị quản lý ngành ĐTCLC định kỳ tổ chức lấy ý kiến của sinh viên sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá của giảng viên; công tác quản lý; điều kiện hỗ trợ về cơ sở vật chất; điều kiện và hỗ trợ nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp và phục vụ sinh viên; và các vấn đề khác.

3. Tổ quản lý Chương trình chất lượng cao có trách nhiệm tổ chức trả lời những ý kiến, phản ánh của sinh viên và viên chức có liên quan đến CTCLC; báo cáo, đề xuất và kiến nghị với Ban quản lý Chương trình chất lượng cao những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết.

4. Ban quản lý Chương trình chất lượng cao có trách nhiệm giải quyết và phản hồi các báo cáo, đề xuất, kiến nghị và phản ánh của Trung tâm Quản lý chất lượng, Tổ quản lý Chương trình chất lượng cao, giảng viên, viên chức và sinh viên.

5. Sau mỗi khóa tốt nghiệp, đơn vị quản lý ngành ĐTCLC có trách nhiệm tổ chức rà soát CTCLC và đề xuất với Trường các điều chỉnh sửa đổi, bổ sung CTCLC nếu có. Những điều chỉnh sửa đổi, bổ sung CTCLC do Hiệu trưởng quyết định.

6. Kiểm định chương trình đào tạo chất lượng cao

Trung tâm Quản lý chất lượng và đơn vị quản lý ngành ĐTCLC phối hợp thực hiện:

a) Tổ chức tự đánh giá chất lượng CTCLC và có kế hoạch chuẩn bị các điều kiện cho kiểm định CTCLC;

b) Đăng ký kiểm định CTCLC sau 2 khoá tốt nghiệp, theo quy định về kiểm định CTĐT của Bộ GD&ĐT;

c) Lập kế hoạch, lộ trình và thực hiện đăng ký kiểm định CTCLC bởi tổ chức kiểm định của nước có CTĐT tham khảo hoặc tổ chức kiểm định có uy tín trong khu vực hoặc quốc tế.

CHƯƠNG VIII

HỌC PHÍ VÀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, QUỸ HỌC BỔNG VÀ HỌC BỔNG

Điều 23. Học phí và miễn, giảm học phí

1. Học phí của từng ngành ĐTCLC được xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo cho toàn khóa học. Đề án của từng ngành ĐTCLC phải ghi rõ mức học phí; lộ trình điều chỉnh mức học phí cho những khóa học tiếp theo (*nếu cần thiết*);

phương án thu, chi và quản lý kinh phí để đảm bảo thực hiện đầy đủ các tiêu chí của CTCLC (bao gồm cả miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc diện chính sách được nhận hỗ trợ tài chính của Nhà nước); thực hiện trích lập các quỹ theo quy định hiện hành đối với phần chênh lệch thu chi còn lại. Mức học phí và lộ trình điều chỉnh mức học phí cho phù hợp với chi phí đào tạo thực tế (nếu có) được ghi rõ trong thông báo tuyển sinh, thông báo về học phí hàng năm của Trường; được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCT.

2. Sinh viên CTCLC thuộc diện chính sách được nhận hỗ trợ tài chính của Nhà nước; sinh viên được miễn, giảm học phí theo quy định của Nhà nước vẫn phải thực hiện nghĩa vụ nộp phần học phí chênh lệch (nếu có) của CTCLC so với CTĐT đại trà.

3. Sinh viên CTCLC là người nước ngoài đóng học phí theo Quy định về tiếp nhận và đào tạo sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Trường ĐHCT có hiệu lực hiện hành.

Điều 24. Quỹ học bổng và học bổng

1. Trường dành 8% tổng thu học phí ĐTCLC và các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật để xây dựng “Quỹ học bổng khuyến khích dành cho sinh viên CTCLC”.

2. “Quỹ học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên CTCLC” được sử dụng để cấp học bổng cho sinh viên CTCLC theo quy định của Trường ĐHCT. Hiệu trưởng quyết định mức học bổng và số lượng sinh viên được nhận học bổng cho từng ngành ĐTCLC.

3. Ngoài việc được hưởng học bổng theo quy định tại khoản 2 Điều này, sinh viên CTCLC được xem xét nhận các học bổng khác theo quy định của Nhà nước hoặc học bổng của các tổ chức, cá nhân tài trợ nếu đáp ứng các điều kiện của học bổng.

CHƯƠNG IX

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên

Nội dung, hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên CTCLC được áp dụng theo Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy của Trường và các quy định khác có liên quan của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCT.

Điều 26. Khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức

Nội dung, hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức tham gia quản lý, giảng dạy, cố vấn học tập được áp dụng theo Luật Viên chức và Luật Lao động và các quy định khác có liên quan của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCT.

CHƯƠNG X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành từ học kỳ 1, năm học 2021-2022.
2. Lãnh đạo các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này; báo cáo kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện để Hiệu trưởng xem xét và quyết định./.

HIỆU TRƯỞNG



★ Hà Thanh Toàn

Phụ lục: Quy đổi tương đương chứng chỉ (chứng nhận) ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

1. Tiếng Anh

- Chứng chỉ IELTS (*International English Language Testing System*) do Hội đồng Anh (*British Council*) và Tổ chức Giáo dục quốc tế IDP (*IDP Education Viet Nam*) cấp.
- Chứng chỉ TOEIC (*Test of English for International Communication*), TOEFL (*Test of English as a Foreign Language*) do Educational Testing Service (*ETS*) và IIG Việt Nam cấp.
- Chứng chỉ Cambridge Esol do Tổ chức Cambridge English cấp.
- Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận cấp.
- Chứng chỉ hoặc Chứng nhận ngoại ngữ tiếng Anh theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường ĐHCT cấp.

BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	IELTS	TOEIC (L&R)	TOEIC Bridge	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL iBT	Cambridge Tests
1	A1		120-220	30-42		60		100-120 KET
2	A2	4.0	225-445	43-75	360-449	96	30	120-140 KET 120-140 PET
3	B1	4.5-5.0	450-595	76-89	450-499	133	31-45	140-150 KET 140-160 PET 140-160 FCE
4	B2	5.5-6.5	600-845	90-100	500-589	173	46-93	160-170 PET 160-180 FCE 160-180 CAE
5	C1	7.0-7.5	850-940		590-649	213	94-109	180-190 FCE 180-200 CAE 180-200 CPE
6	C2	8.0-9.0	945-990		650-677	250	110-120	200-210 CAE 200-230 CPE
		Top Score 9	Top Score 990	Top Score 100	Top Score 677	Top Score 300	Top Score 120 IBT	

2. Tiếng Pháp

- Bằng DELF (*Diplôme d'Etudes en Langue Française*), DALF (*Diplôme Approfondi de Langue Française*) của Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc Tế Sèvres - Pháp (*Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres*).
- Chứng chỉ TCF (*Test de Connaissance du Français*) của Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc Tế Sèvres - Pháp (*Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres*) cấp.
- Chứng chỉ TEF (*Test d'Evaluation de Français*) của CCIP (*Chambre d'Industrie et de Commerce de Paris*) cấp.
- Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Pháp theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận cấp.
- Chứng chỉ hoặc Chứng nhận năng lực ngoại ngữ tiếng Pháp theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường ĐHCT cấp.

BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG PHÁP

Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	DELF	TCF	TEF
1	A1	DELF A1 trình độ giao tiếp ban đầu sơ cấp khám phá (découverte)	TCF1 (100-199)	TEF1 (69-203)
2	A2	DELF A2 trình độ giao tiếp sơ trung cấp (survie)	TCF2 (200-299)	TEF2 (204-360)
3	B1	DELF B1 trình độ giao tiếp ngưỡng (seuil)	TCF3 (300-399)	TEF3 (361-540)
4	B2	DELF B2 trình độ giao tiếp độc lập (indépendant)	TCF4 (400-499)	TEF4 (541-698)
5	C1	DALF C1 trình độ giao tiếp tự chủ (autonome)	TCF5 (500-599)	TEF5 (699-833)
6	C2	DALF C2 giao tiếp ở trình độ cao (maîtrise)	TCF6 (600-699)	TEF5 (834-900)

3. Tiếng Nga

- Chứng chỉ TORFL, TRKI, ТБУ do Trung tâm Văn hóa Nga cấp (*Kỳ thi TRKI có tên gọi tiếng Anh là: Test of Russian as a Foreign Language*).
- Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Nga theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận cấp.
- Chứng chỉ hoặc Chứng nhận năng lực ngoại ngữ tiếng Nga theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường ĐHCT cấp.

BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG NGA

Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	ТРКИ (TRKI)	Ghi chú
1	A1 (Breakthrough)	ТЭУ (TEU) Elementary Level	Chứng nhận có khả năng tối thiểu để giao tiếp hàng ngày
2	A2 (Waystage)	ТБУ (TBU) Immediate Level	Chứng nhận có trình độ sơ cấp về khả năng giao tiếp trong nghề nghiệp, xã hội và văn hóa
3	B1 (Threshold)	ТРКИ-1 (TRKI-1) Certificate Level 1	Chứng nhận có trình độ trung cấp về khả năng giao tiếp trong nghề nghiệp, văn hóa và xã hội. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để học ở các trường ĐH của Nga)
4	B2 (Vantage)	ТРКИ-2 (TRKI-2) Certificate Level 2	Chứng nhận có trình độ cao để giao tiếp trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống. Người học có thể làm việc bằng tiếng Nga trong các lĩnh vực khác nhau. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để nhận bằng cử nhân hoặc thạc sỹ)
5	C1 (Effective Operational Proficiency)	ТРКИ-3 (TRKI-3) Certificate Level 3	Chứng nhận đạt được trình độ cao để giao tiếp trong các lĩnh vực, cho phép người học làm việc bằng tiếng Nga với tư cách là một nhà ngôn ngữ học, nhà dịch thuật, chủ biên của một tạp chí, nhà ngoại giao và nhà lãnh đạo của một cộng đồng nói tiếng Nga
6	C2 (Mastery)	ТРКИ-4 (TRKI-4) Certificate Level 4	Chứng nhận đạt được khả năng nắm vững tiếng Nga một cách thông thạo, gần với trình độ của một người bản ngữ. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để nhận bằng tốt nghiệp thạc sỹ và tiến sỹ ngôn ngữ học)

4. Tiếng Trung Quốc

- Chứng chỉ HSK với “tiêu chuẩn năng lực Hán ngữ quốc tế” theo khung tham chiếu châu Âu do Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc cấp.
- Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung Quốc theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận cấp.
- Chứng chỉ hoặc Chứng nhận năng lực ngoại ngữ tiếng Trung Quốc theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường ĐHCĐ cấp.

BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG TRUNG QUỐC

Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Tiêu chuẩn năng lực tiếng Trung quốc tế	HSK mới	Lượng từ vựng
1	A1	Cấp 1	HSK cấp 1	150
2	A2	Cấp 2	HSK cấp 2	300
3	B1	Cấp 3	HSK cấp 3	600
4	B2	Cấp 4	HSK cấp 4	1200
5	C1	Cấp 5	HSK cấp 5	2500
6	C2	Cấp 6	HSK cấp 6	Hơn 5000